

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ  
THAY THẾ ĐIỂM MÔN NGOẠI NGỮ**

(Tính đến ngày 20/07/2023)

| STT | Họ và tên           |     | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|---------|
|     |                     |     |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |         |
| 1   | Hoàng Duy           | An  | 16/11/2005 |                         | 6,5   |      | 26/06/2023         |         |
| 2   | Nguyễn Đức Thành    | An  | 22/07/2005 |                         | 6,0   |      | 20/10/2022         |         |
| 3   | Nguyễn Thùy         | An  | 30/04/2005 |                         | 7,0   |      | 20/04/2023         |         |
| 4   | Nguyễn Việt Quốc    | An  | 02/09/2005 |                         | 7,0   |      | 07/02/2023         |         |
| 5   | Nguyễn Xuân         | An  | 15/11/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 6   | Trần Minh           | An  | 19/04/2005 |                         | 6,5   |      | 06/04/2023         |         |
| 7   | Chu Thị Lan         | Anh | 08/05/2005 |                         |       | HSK3 | 11/02/2023         |         |
| 8   | Đặng Phương         | Anh | 12/12/2005 |                         | 5,5   |      | 27/04/2023         |         |
| 9   | Đào Lê Tiến         | Anh | 04/11/2005 |                         | 6,0   |      | 16/03/2023         |         |
| 10  | Lã Thị Phương       | Anh | 24/10/2005 |                         |       | HSK3 | 18/03/2023         |         |
| 11  | Lê Mai              | Anh | 24/11/2005 |                         | 5,5   |      | 09/02/2023         |         |
| 12  | Lê Thị Mai          | Anh | 18/08/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |         |
| 13  | Lê Tuấn             | Anh | 26/12/2005 |                         | 6,0   |      | 03/05/2023         |         |
| 14  | Ngô Thị Thùy        | Anh | 18/04/2005 |                         | 7,5   |      | 15/12/2022         |         |
| 15  | Nguyễn Duy          | Anh | 30/09/2005 |                         | 6,0   |      | 03/09/2022         |         |
| 16  | Nguyễn Hoàng Phương | Anh | 22/08/2005 |                         | 5,5   |      | 16/03/2023         |         |
| 17  | Nguyễn Huyền        | Anh | 08/11/2005 |                         |       | HSK5 | 25/02/2023         |         |
| 18  | Nguyễn Phan Hồng    | Anh | 21/11/2005 |                         | 6,0   |      | 18/05/2023         |         |
| 19  | Nguyễn Quang        | Anh | 25/04/2005 |                         | 5,5   |      | 16/03/2023         |         |
| 20  | Nguyễn Quốc Lâm     | Anh | 04/03/2005 |                         | 6,5   |      | 08/09/2022         |         |
| 21  | Nguyễn Thị Lan      | Anh | 28/12/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 22  | Nguyễn Tùng         | Anh | 13/04/2005 |                         | 5,5   |      | 22/12/2022         |         |
| 23  | Phạm Nguyễn Hoàng   | Anh | 10/10/2005 |                         | 6,5   |      | 16/01/2023         |         |
| 24  | Phạm Nhật           | Anh | 05/12/2005 |                         |       | HSK3 | 09/01/2023         |         |
| 25  | Phạm Quỳnh          | Anh | 08/09/2005 |                         |       | HSK4 | 11/03/2023         |         |
| 26  | Phan Thị Quỳnh      | Anh | 13/11/2005 |                         |       | HSK3 | 25/02/2023         |         |
| 27  | Trần Châu           | Anh | 24/02/2005 |                         | 6,5   |      | 31/10/2022         |         |
| 28  | Trần Thị Mai        | Anh | 22/06/2005 |                         | 6,5   |      | 20/10/2022         |         |
| 29  | Trần Thị Vân        | Anh | 30/12/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |

| STT | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|---------|
|     |                   |       |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |         |
| 30  | Trịnh Tú          | Anh   | 31/05/2005 |                         | 5,5   |      | 06/09/2022         |         |
| 31  | Văn Duy           | Anh   | 03/10/2005 |                         | 5,5   |      | 15/02/2023         |         |
| 32  | Vũ Quỳnh          | Anh   | 10/11/2005 |                         |       | HSK5 | 12/03/2023         |         |
| 33  | Vũ Quỳnh          | Anh   | 20/07/2005 |                         | 6,0   |      | 21/09/2022         |         |
| 34  | Đinh Thị Minh     | Ánh   | 09/09/2005 |                         | 6,0   |      | 23/03/2023         |         |
| 35  | Hoàng Thị Minh    | Ánh   | 15/10/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 36  | Hoàng Thị Minh    | Ánh   | 15/10/2005 |                         |       | HSK4 | 14/05/2023         |         |
| 37  | Nguyễn Thị Ngọc   | Ánh   | 09/04/2005 |                         |       | HSK4 | 16/07/2022         |         |
| 38  | Phạm Thị Ngọc     | Ánh   | 10/08/2005 |                         |       | HSK3 | 16/07/2022         |         |
| 39  | Vũ Ngọc           | Ánh   | 18/11/2005 |                         |       | HSK4 | 10/01/2023         |         |
| 40  | Ngô Quốc          | Bắc   | 19/05/2005 |                         |       | HSK6 | 18/03/2023         |         |
| 41  | Phan Hoàng        | Bách  | 23/10/2005 |                         | 5,5   |      | 05/07/2022         |         |
| 42  | Đặng Kim          | Chi   | 16/12/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 43  | Nguyễn Khánh      | Chi   | 14/12/2005 |                         | 5,5   |      | 29/03/2023         |         |
| 44  | Nguyễn Mai        | Chi   | 30/07/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |         |
| 45  | Nguyễn Thị Phương | Chi   | 31/07/2005 |                         |       | HSK4 | 11/03/2023         |         |
| 46  | Phạm Lương Hương  | Chi   | 08/09/2005 |                         |       | HSK5 | 12/03/2023         |         |
| 47  | Trần Hà           | Chi   | 10/10/2005 |                         | 6,5   |      | 25/05/2023         |         |
| 48  | Trần Kim          | Chi   | 18/07/2005 |                         | 5,5   |      | 27/04/2023         |         |
| 49  | Trần Thị Kim      | Chi   | 29/07/2005 |                         |       | HSK4 | 18/03/2023         |         |
| 50  | Thân Hoàng        | Chiến | 03/07/2005 |                         |       | HSK3 | 11/02/2023         |         |
| 51  | Nguyễn Ngọc       | Chuân | 27/08/2005 |                         |       | HSK3 | 18/02/2023         |         |
| 52  | Thân Thị          | Chúc  | 07/03/2005 |                         |       | HSK4 | 10/01/2023         |         |
| 53  | Nguyễn Thành      | Công  | 14/06/2005 |                         | 6,5   |      | 09/02/2023         |         |
| 54  | Nguyễn Xuân       | Cương | 05/01/2005 |                         | 6,5   |      | 03/10/2022         |         |
| 55  | Nguyễn Xuân       | Cường | 05/01/2005 |                         | 6,5   |      | 03/10/2022         |         |
| 56  | Nguyễn Hải        | Đăng  | 01/12/2005 |                         | 6,0   |      | 13/06/2023         |         |
| 57  | Nguyễn Gia        | Đạt   | 29/08/2005 |                         | 5,5   |      | 03/01/2023         |         |
| 58  | Nguyễn Tiến       | Đạt   | 25/12/2005 |                         | 6,5   |      | 03/01/2023         |         |
| 59  | Trần Tiến         | Đạt   | 03/09/2005 |                         | 7,0   |      | 28/07/2022         |         |
| 60  | Lương Ngọc        | Diệp  | 22/09/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 61  | Trần Hồ           | Điệp  | 15/12/2005 |                         | 7,0   |      | 10/04/2022         |         |
| 62  | Lê Thị Huyền      | Diệu  | 10/03/2005 |                         |       | HSK4 | 21/08/2022         |         |
| 63  | Nguyễn Lê Hiền    | Dịu   | 19/03/2005 |                         |       | HSK3 | 15/04/2023         |         |

| STT | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|---------|
|     |                   |       |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |         |
| 64  | Phan Thanh        | Dịu   | 20/08/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 65  | Đặng Hoàng Anh    | Đức   | 04/08/2005 |                         | 6,0   |      | 25/04/2023         |         |
| 66  | Phùng Tuấn        | Đức   | 01/01/2005 |                         | 6,0   |      | 27/01/2023         |         |
| 67  | Trần Anh          | Đức   | 22/10/2005 |                         | 6,5   |      | 23/04/2023         |         |
| 68  | Nguyễn Thị Mai    | Dung  | 05/11/2005 |                         |       | HSK4 | 18/03/2023         |         |
| 69  | Nguyễn Thị Mai    | Dung  | 05/11/2005 |                         |       | HSK4 | 18/03/2023         |         |
| 70  | Nguyễn Thùy       | Dung  | 21/09/2005 |                         | 5,5   |      | 07/04/2023         |         |
| 71  | Nguyễn Anh        | Dũng  | 06/08/2005 |                         | 6,0   |      | 02/03/2023         |         |
| 72  | Nguyễn Tiến       | Dũng  | 17/07/2005 |                         | 6,0   |      | 27/04/2023         |         |
| 73  | Nguyễn Văn        | Dũng  | 09/05/2005 |                         | 6,0   |      | 10/01/2023         |         |
| 74  | Đặng Thùy         | Dương | 23/02/2005 |                         |       | HSK5 | 18/03/2023         |         |
| 75  | Nguyễn Ánh        | Dương | 02/10/2005 |                         | 6,5   |      | 18/02/2023         |         |
| 76  | Nguyễn Thái       | Dương | 22/09/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 77  | Nguyễn Thùy       | Dương | 05/09/2005 |                         |       | HSK3 | 15/04/2023         |         |
| 78  | Nguyễn Triệu Ánh  | Dương | 03/09/2005 |                         | 6,5   |      | 18/10/2022         |         |
| 79  | Phạm Ánh          | Dương | 30/09/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 80  | Nguyễn Thị        | Duyên | 12/06/2005 |                         |       | HSK5 | 12/03/2023         |         |
| 81  | Nguyễn Thị Mỹ     | Duyên | 08/11/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 82  | Vũ Thị Hồng       | Gấm   | 21/02/2005 |                         |       | HSK4 | 15/04/2023         |         |
| 83  | Lê Nguyễn Nhật    | Giang | 09/02/2005 |                         | 6,0   |      | 27/04/2023         |         |
| 84  | Phan Nguyễn Quỳnh | Giang | 02/10/2005 |                         | 7,0   |      | 02/02/2023         |         |
| 85  | Phan Thu          | Giang | 06/09/2005 |                         | 6,0   |      | 12/01/2023         |         |
| 86  | Thân Thị Nhật     | Giang | 01/06/2005 |                         |       | HSK3 | 11/02/2023         |         |
| 87  | Đỗ Nguyên         | Giáp  | 09/01/2005 |                         | 5,5   |      | 27/04/2023         |         |
| 88  | Bùi Thị Ngọc      | Hà    | 06/10/2005 |                         |       | HSK3 | 15/04/2023         |         |
| 89  | Nguyễn Đỗ An      | Hà    | 17/07/2005 |                         | 6,5   |      | 22/04/2023         |         |
| 90  | Phạm Thu          | Hà    | 14/10/2005 |                         | 6,0   |      | 16/01/2023         |         |
| 91  | Trần Thị Khánh    | Hà    | 11/12/2004 |                         | 6,0   |      | 12/05/2022         |         |
| 92  | Trần Thị Thu      | Hà    | 05/08/2005 |                         |       | HSK3 | 17/09/2022         |         |
| 93  | Trần Thu          | Hà    | 11/12/2005 |                         | 7,0   |      | 30/03/2023         |         |
| 94  | Trương Ngọc       | Hà    | 21/07/2005 |                         |       | HSK3 | 09/01/2023         |         |
| 95  | Lê Thị Thu        | Hạ    | 04/06/2004 |                         |       | HSK3 | 15/04/2023         |         |
| 96  | Nguyễn Thị Liên   | Hạ    | 27/08/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 97  | Hoàng Minh        | Hải   | 04/08/2005 |                         | 6,5   |      | 30/03/2023         |         |

| STT | Họ và tên      |       | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú |
|-----|----------------|-------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|---------|
|     |                |       |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |         |
| 98  | Hoàng Thanh    | Hải   | 18/07/2005 |                         | 6,0   |      | 31/03/2023         |         |
| 99  | Phan Thị       | Hải   | 31/10/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 100 | Hà Hoàng Nhã   | Hân   | 02/11/2005 |                         | 6,0   |      | 08/12/2022         |         |
| 101 | Bạch Thúy      | Hằng  | 29/07/2005 |                         | 5,5   |      | 01/06/2023         |         |
| 102 | Lưu Minh       | Hằng  | 24/01/2005 |                         | 6,0   |      | 14/02/2023         |         |
| 103 | Phạm Thị       | Hằng  | 10/03/2005 |                         |       | HSK5 | 12/03/2023         |         |
| 104 | Phạm Thị Thanh | Hằng  | 07/08/2005 |                         |       | HSK3 | 27/02/2022         |         |
| 105 | Đào Thị        | Hạnh  | 24/03/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 106 | Nguyễn Hồng    | Hạnh  | 26/10/2005 |                         | 6,5   |      | 23/05/2023         |         |
| 107 | Nguyễn Anh     | Hào   | 05/06/2005 |                         | 7,5   |      | 22/02/2023         |         |
| 108 | Trần Thị       | Hào   | 11/03/2005 |                         | 6,0   |      | 06/04/2023         |         |
| 109 | Đặng Thị Thu   | Hiền  | 03/11/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |         |
| 110 | Nguyễn Thúy    | Hiền  | 01/08/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 111 | Nguyễn Thúy    | Hiền  | 01/08/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 112 | Trần Thanh     | Hiền  | 16/05/2005 |                         |       | HSK3 | 14/05/2023         |         |
| 113 | Vũ Thị Thanh   | Hiền  | 26/12/2005 |                         |       | HSK4 | 11/02/2023         |         |
| 114 | Bùi Quang      | Hiền  | 14/12/2005 |                         | 5,5   |      | 03/04/2023         |         |
| 115 | Đỗ Minh        | Hiền  | 26/12/2005 |                         | 5,5   |      | 24/04/2023         |         |
| 116 | Cao Minh       | Hiếu  | 19/08/2005 |                         | 7,5   |      | 26/01/2023         |         |
| 117 | Lê Tiến        | Hiếu  | 08/01/2005 |                         | 6,0   |      | 14/04/2023         |         |
| 118 | Trần Minh      | Hiếu  | 09/07/2005 |                         | 5,5   |      | 06/04/2022         |         |
| 119 | Nguyễn Phương  | Hoa   | 31/01/2005 |                         | 5,5   |      | 05/05/2023         |         |
| 120 | Nguyễn Phương  | Hòa   | 26/09/2005 |                         | 6,0   |      | 16/01/2023         |         |
| 121 | Đặng Thu       | Hoài  | 14/04/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 122 | Lê Thanh       | Hoài  | 04/08/2005 |                         |       | HSK3 | 15/04/2023         |         |
| 123 | Cao Việt       | Hoàng | 01/04/2005 |                         | 5,5   |      | 16/03/2023         |         |
| 124 | Lê Việt        | Hoàng | 03/01/2005 |                         | 5,5   |      | 21/02/2023         |         |
| 125 | Bùi Minh       | Hồng  | 18/10/2005 |                         | 5,5   |      | 21/04/2023         |         |
| 126 | Đinh Thị       | Huệ   | 26/02/2005 |                         |       | HSK3 | 18/03/2023         |         |
| 127 | Nguyễn Thị     | Huệ   | 09/12/2005 |                         |       | HSK3 | 12/03/2022         | Photo   |
| 128 | Nguyễn Thị     | Huệ   | 09/12/2005 |                         |       | HSK3 | 12/03/2022         |         |
| 129 | Đỗ Việt        | Hùng  | 10/04/2005 |                         | 6,0   |      | 04/01/2023         |         |
| 130 | Nguyễn Tuấn    | Hùng  | 19/07/2005 |                         | 6,0   |      | 16/03/2023         |         |
| 131 | Đỗ Thị Thu     | Hương | 13/05/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |

| STT | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú              |
|-----|------------------|-------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|----------------------|
|     |                  |       |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |                      |
| 132 | Đoàn Thị Thu     | Hương | 24/08/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |                      |
| 133 | Ngô Thị Thu      | Hương | 27/11/2005 |                         | 5,5   |      | 11/05/2023         |                      |
| 134 | Nguyễn Ngọc Lan  | Hương | 17/01/2005 |                         | 5,5   |      | 01/06/2023         |                      |
| 135 | Nguyễn Thị Thu   | Hương | 01/01/2005 |                         |       | HSK4 | 25/02/2023         |                      |
| 136 | Phạm Thị Mai     | Hương | 03/03/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |                      |
| 137 | Phùng Thanh      | Hương | 28/12/2005 |                         |       | HSK4 | 09/01/2023         |                      |
| 138 | Đỗ Thúy          | Hường | 28/12/2005 |                         |       | HSK4 | 08/01/2023         |                      |
| 139 | Hà Thị Ngọc      | Huyền | 17/05/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |                      |
| 140 | Nguyễn Thị Thanh | Huyền | 01/10/2005 |                         |       | HSK3 | 18/02/2023         |                      |
| 141 | Nguyễn Thúy      | Huyền | 05/07/2005 |                         | 5,5   |      | 20/02/2023         |                      |
| 142 | Nông Thị Ngọc    | Huyền | 27/11/2005 |                         |       | HSK4 | 15/04/2023         |                      |
| 143 | Phạm Thanh       | Huyền | 15/03/2005 |                         |       | HSK4 | 15/04/2023         |                      |
| 144 | Trần Minh        | Huyền | 08/01/2005 |                         | 6,5   |      | 14/11/2022         |                      |
| 145 | Lương Ngọc       | Khải  | 27/11/2005 |                         | 6,0   |      | 27/04/2023         |                      |
| 146 | Hà Kim           | Khánh | 21/12/2005 |                         | 6,5   |      | 31/01/2023         |                      |
| 147 | Lê Lương Vân     | Khánh | 11/05/2005 |                         | 6,0   |      | 04/02/2023         |                      |
| 148 | Nguyễn Long      | Khánh | 01/01/2005 |                         | 6,5   |      | 23/05/2023         |                      |
| 149 | Nguyễn Nhật      | Khánh | 02/09/2005 |                         | 5,5   |      | 14/03/2023         |                      |
| 150 | Vùi Ngọc         | Khánh | 09/06/2005 |                         |       | HSK4 | 14/05/2023         |                      |
| 151 | Ngô Hà           | Khoa  | 01/10/2005 |                         | 6,0   |      | 16/01/2023         |                      |
| 152 | Nguyễn Đắc Minh  | Khoa  | 30/12/2005 |                         | 6,0   |      | 08/09/2022         |                      |
| 153 | Chu Cát          | Khuê  | 28/03/2005 |                         | 6,0   |      | 08/11/2022         |                      |
| 154 | Nguyễn Thị Ngọc  | Khuê  | 09/11/2005 |                         |       | HSK4 | 15/04/2023         |                      |
| 155 | Bùi Anh          | Kiên  | 16/01/2005 |                         | 6,5   |      | 19/01/2023         |                      |
| 156 | Nguyễn Trung     | Kiên  | 13/01/2005 |                         | 7,5   |      | 05/05/2022         |                      |
| 157 | Nguyễn Trung     | Kiên  | 07/05/2005 |                         | 5,5   |      | 27/04/2023         |                      |
| 158 | Phạm Tuấn        | Kiệt  | 26/12/2005 |                         | 5,5   |      | 18/05/2023         |                      |
| 159 | Phạm Tuế         | Lâm   | 09/02/2005 |                         | 6,5   |      | 16/03/2023         |                      |
| 160 | Phạm Hoàng       | Lân   | 01/03/2005 | 07/03/1900              |       |      | 14/05/2023         |                      |
| 161 | Dương Thị Phương | Liên  | 10/11/2005 |                         |       | HSK3 | 11/02/2023         |                      |
| 162 | Đinh Hải         | Linh  | 29/08/2005 |                         |       | HSK3 | 18/03/2023         |                      |
| 163 | Đỗ Khánh         | Linh  | 15/10/2005 |                         |       | HSK4 | 18/03/2023         |                      |
| 164 | Đỗ Thị Thảo      | Linh  | 14/01/2005 |                         |       | HSK4 | 16/07/2022         | Không có đơn đăng ký |
| 165 | Lê Đoàn Khánh    | Linh  | 01/01/2005 |                         |       | HSK4 | 10/01/2023         |                      |

| STT | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú |
|-----|------------------|-------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|---------|
|     |                  |       |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |         |
| 166 | Lê Khánh         | Linh  | 08/02/2005 |                         |       | HSK3 | 18/02/2023         |         |
| 167 | Ma Trang         | Linh  | 10/01/2005 |                         | 6,5   |      | 20/03/2023         |         |
| 168 | Ngô Trang        | Linh  | 07/03/2005 |                         | 7,5   |      | 27/03/2023         |         |
| 169 | Nguyễn Diệu      | Linh  | 06/09/2005 |                         |       | HSK4 | 21/08/2022         |         |
| 170 | Nguyễn Diệu      | Linh  | 08/11/2004 |                         |       | HSK4 | 15/04/2023         |         |
| 171 | Nguyễn Khánh     | Linh  | 01/02/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 172 | Nguyễn Ngọc      | Linh  | 20/11/2005 |                         |       | HSK3 | 11/02/2023         |         |
| 173 | Nguyễn Ngọc      | Linh  | 17/10/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |         |
| 174 | Nguyễn Phương    | Linh  | 25/08/2005 |                         | 6,0   |      | 27/04/2023         |         |
| 175 | Nguyễn Phương    | Linh  | 28/03/2005 |                         |       | HSK3 | 25/02/2023         |         |
| 176 | Nguyễn Thị Khánh | Linh  | 02/09/2005 |                         |       | HSK4 | 15/04/2023         |         |
| 177 | Nguyễn Thị Nhật  | Linh  | 03/09/2002 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 178 | Nguyễn Thị Thùy  | Linh  | 11/05/2005 |                         |       | HSK3 | 18/03/2023         |         |
| 179 | Nguyễn Thị Thùy  | Linh  | 19/01/2005 |                         |       | HSK3 | 12/03/2023         |         |
| 180 | Nguyễn Thùy      | Linh  | 19/12/2005 |                         | 5,5   |      | 03/05/2023         |         |
| 181 | Phạm Nguyễn Bảo  | Linh  | 31/03/2005 |                         | 6,0   |      | 09/02/2022         | Photo   |
| 182 | Phạm Phương      | Linh  | 09/12/2005 |                         | 6,5   |      | 03/01/2023         |         |
| 183 | Phạm Thị Khánh   | Linh  | 16/06/2005 |                         |       | HSK4 | 11/02/2023         |         |
| 184 | Trần Hà          | Linh  | 05/10/2005 |                         | 5,5   |      | 15/02/2023         |         |
| 185 | Trần Phương      | Linh  | 15/11/2005 |                         | 6,0   |      | 16/01/2023         |         |
| 186 | Trần Thị Khánh   | Linh  | 03/06/2005 |                         | 5,5   |      | 30/01/2023         |         |
| 187 | Võ Nguyễn Diệu   | Linh  | 13/08/2005 |                         | 5,5   |      | 03/06/2023         |         |
| 188 | Vũ Ngọc          | Linh  | 18/11/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |         |
| 189 | Vũ Nguyễn Khánh  | Linh  | 21/09/2005 |                         | 6,0   |      | 20/05/2023         |         |
| 190 | Vũ Phạm Khánh    | Linh  | 15/08/2005 |                         | 6,0   |      | 20/04/2023         |         |
| 191 | Đặng Phước Phi   | Long  | 24/04/2005 |                         | 6,5   |      | 14/05/2023         |         |
| 192 | Hoàng Lê Vũ      | Long  | 18/06/2005 |                         | 6,5   |      | 22/02/2023         |         |
| 193 | Lê Thanh         | Long  | 30/12/2005 |                         | 5,5   |      | 22/03/2023         |         |
| 194 | Lê Tuấn          | Long  | 01/05/2005 |                         | 7,5   |      | 10/11/2022         |         |
| 195 | Nguyễn Hoàng     | Long  | 29/04/2005 |                         | 6,0   |      | 22/03/2023         |         |
| 196 | Trần Đức         | Long  | 04/06/2005 |                         | 6,0   |      | 31/05/2023         |         |
| 197 | Ngô Thị          | Lương | 20/10/2005 |                         |       | HSK3 | 15/04/2023         |         |
| 198 | Lương Thị        | Luyến | 21/01/2005 |                         |       | HSK5 | 25/02/2023         |         |
| 199 | Đoàn Khánh       | Ly    | 18/11/2005 |                         | 5,5   |      | 20/10/2022         |         |

| STT | Họ và tên        |      | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú |
|-----|------------------|------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|---------|
|     |                  |      |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |         |
| 200 | Nguyễn Huyền     | Ly   | 14/05/2005 |                         |       | HSK5 | 18/02/2023         | Photo   |
| 201 | Nguyễn Huyền     | Ly   | 14/05/2005 |                         |       | HSK5 | 18/02/2023         |         |
| 202 | Nguyễn Thị Xuân  | Ly   | 15/04/2005 |                         |       | HSK4 | 16/07/2022         |         |
| 203 | Thân Thị         | Ly   | 21/01/2005 |                         |       | HSK3 | 11/02/2023         |         |
| 204 | Đặng Thủy        | Mai  | 25/02/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |         |
| 205 | Đường Hoàng      | Mai  | 11/12/2005 |                         |       | HSK4 | 11/02/2023         |         |
| 206 | Nguyễn Thanh     | Mai  | 14/06/2003 |                         | 5,5   |      | 27/04/2022         |         |
| 207 | Nguyễn Thị       | Mai  | 26/09/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 208 | Nguyễn Thị       | Mai  | 29/03/2005 |                         |       | HSK4 | 07/01/2023         |         |
| 209 | Nguyễn Thị Thanh | Mai  | 01/11/2005 |                         | 6,0   |      | 03/09/2022         |         |
| 210 | Nguyễn Xuân      | Mai  | 24/03/2005 |                         | 5,5   |      | 05/12/2022         |         |
| 211 | Thân Thị Ngọc    | Mai  | 27/05/2005 |                         |       | HSK3 | 17/09/2022         |         |
| 212 | Nguyễn Đức       | Mạnh | 01/12/2005 |                         | 7,0   |      | 12/01/2023         | Photo   |
| 213 | Chu Khánh        | Minh | 26/01/2005 |                         | 6,0   |      | 10/04/2023         |         |
| 214 | Đỗ Tiến Nhật     | Minh | 24/11/2005 |                         | 5,5   |      | 27/01/2023         |         |
| 215 | Dương Lê         | Minh | 30/12/2004 |                         | 5,5   |      | 12/05/2023         |         |
| 216 | Hồ Nhật          | Minh | 12/03/2005 |                         | 6,5   |      | 20/04/2023         |         |
| 217 | Hồ Xuân Hoàng    | Minh | 06/10/2005 |                         | 7,0   |      | 22/02/2023         |         |
| 218 | Lý Nhật          | Minh | 04/05/2005 |                         | 5,5   |      | 23/03/2023         |         |
| 219 | Ngô Tuệ          | Minh | 13/03/1998 |                         | 7,0   |      | 16/04/2023         |         |
| 220 | Nguyễn Ngọc      | Minh | 02/12/2005 |                         | 6,5   |      | 03/09/2022         |         |
| 221 | Nguyễn Thị Hồng  | Minh | 22/12/2005 |                         |       | HSK4 | 18/03/2023         |         |
| 222 | Nguyễn Thị Ngọc  | Minh | 17/08/2004 |                         | 6,0   |      | 26/01/2023         |         |
| 223 | Nguyễn Xuân Bình | Minh | 13/01/2005 |                         | 7,5   |      | 18/02/2022         |         |
| 224 | Phạm Thị         | Minh | 25/10/2005 |                         |       | HSK4 | 11/03/2023         |         |
| 225 | Trần Anh         | Minh | 08/02/2004 |                         | 6,5   |      | 20/04/2023         |         |
| 226 | Trần Quang       | Minh | 03/11/2005 |                         | 5,5   |      | 22/05/2023         |         |
| 227 | Vũ Nhật          | Minh | 23/09/2005 |                         | 6,5   |      | 29/06/2023         |         |
| 228 | Phạm Thị         | Mỹ   | 08/10/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 229 | Thiều Khánh      | Nam  | 14/02/2005 |                         | 6,0   |      | 09/05/2023         |         |
| 230 | Vũ Thành         | Nam  | 10/08/2005 |                         | 8,0   |      | 18/05/2023         |         |
| 231 | Hoàng Thúy       | Nga  | 04/03/2005 |                         |       | HSK3 | 25/02/2023         |         |
| 232 | Nguyễn Thị Thúy  | Nga  | 20/01/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 233 | Lê Hoàng         | Ngân | 15/10/2003 |                         | 6,5   |      | 10/02/2022         |         |

| STT | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú |
|-----|------------------|--------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|---------|
|     |                  |        |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |         |
| 234 | Lê Hồng          | Ngân   | 31/10/2005 |                         |       | HSK4 | 25/03/2023         |         |
| 235 | Nguyễn Kim       | Ngân   | 31/10/2005 |                         |       | HSK3 | 18/03/2023         |         |
| 236 | Nguyễn Thị Hoàng | Ngân   | 11/06/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 237 | Phạm Ngọc Kim    | Ngân   | 14/08/2005 |                         |       | HSK3 | 17/09/2022         |         |
| 238 | Hà Thị Minh      | Ngọc   | 13/04/2005 |                         | 7,0   |      | 16/03/2003         |         |
| 239 | Nghiêm Phan Minh | Ngọc   | 05/09/2005 |                         | 6,0   |      | 30/04/2023         |         |
| 240 | Nguyễn Thị Bích  | Ngọc   | 01/08/2005 |                         |       | HSK5 | 18/03/2023         |         |
| 241 | Tạ Minh          | Ngọc   | 23/08/2005 |                         | 6,0   |      | 30/03/2023         |         |
| 242 | Vũ Minh          | Ngọc   | 21/02/2005 |                         | 6,5   |      | 29/04/2023         |         |
| 243 | Lê Hạnh          | Nguyên | 15/09/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |         |
| 244 | Nguyễn Như       | Nguyệt | 19/09/2005 |                         |       | HSK4 | 18/02/2023         |         |
| 245 | Lê Doanh         | Nhi    | 14/09/2005 |                         |       | HSK3 | 15/04/2023         |         |
| 246 | Lê Yến           | Nhi    | 03/06/2005 |                         |       | HSK3 | 25/02/2023         |         |
| 247 | Phạm Trần Yến    | Nhi    | 17/06/2005 |                         | 5,5   |      | 10/01/2023         |         |
| 248 | Vũ Yến           | Nhi    | 23/06/2005 |                         | 6,0   |      | 28/02/0223         |         |
| 249 | Nguyễn Thị       | Như    | 06/12/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |         |
| 250 | Nguyễn Hồng      | Nhung  | 24/10/2005 |                         |       | HSK3 | 16/07/2022         |         |
| 251 | Đồng Tuấn        | Phong  | 21/08/2005 |                         | 6,5   |      | 06/10/2022         |         |
| 252 | Lê Thanh         | Phong  | 30/12/2005 |                         | 5,5   |      | 22/03/2023         |         |
| 253 | Lê Bảo           | Phúc   | 21/06/2005 |                         | 7,0   |      | 14/11/2022         |         |
| 254 | Trần Trọng       | Phúc   | 13/10/2005 |                         | 6,0   |      | 01/12/2022         |         |
| 255 | Đào Mai          | Phương | 17/11/2005 | 21/05/1901              |       |      | 06/06/2023         |         |
| 256 | Đinh Thị Thu     | Phương | 03/02/2005 |                         |       | HSK4 | 08/01/2023         |         |
| 257 | Đỗ Phạm Mai      | Phương | 21/05/2005 |                         |       | HSK3 | 17/09/2022         |         |
| 258 | Hoàng Thị Thu    | Phương | 28/03/2005 |                         |       | HSK5 | 09/04/2023         |         |
| 259 | Lê Đào Anh       | Phương | 10/09/2005 |                         | 6,5   |      | 11/05/2023         |         |
| 260 | Lê Linh          | Phương | 22/07/2005 |                         | 7,0   |      | 08/05/2023         |         |
| 261 | Nguyễn Ngọc      | Phương | 27/02/2005 |                         | 6,0   |      | 23/06/2023         |         |
| 262 | Vũ Nam           | Phương | 29/09/2005 |                         | 6,0   |      | 12/02/2023         |         |
| 263 | Vương Thảo       | Phương | 01/06/2005 | 15/03/1900              |       |      | 19/04/2023         |         |
| 264 | Hoàng Minh       | Quân   | 05/06/2005 |                         | 5,5   |      | 18/03/2023         |         |
| 265 | Lê Anh           | Quân   | 27/07/2005 |                         | 5,5   |      | 03/01/2023         |         |
| 266 | Ngô Thành        | Quân   | 23/12/2005 |                         |       | HSK3 | 17/09/2022         |         |
| 267 | Phùng Minh       | Quang  | 13/07/2005 |                         | 6,5   |      | 05/07/2022         |         |

| STT | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú              |
|-----|------------------|-------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|----------------------|
|     |                  |       |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |                      |
| 268 | Thái Đăng Bảo    | Quang | 29/04/2005 |                         | 6,0   |      | 03/09/2022         |                      |
| 269 | Đình Đỗ          | Quyên | 16/01/2005 |                         | 5,5   |      | 27/04/2023         |                      |
| 270 | Lê Thị           | Quỳnh | 10/09/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |                      |
| 271 | Lê Thị           | Quỳnh | 10/09/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |                      |
| 272 | Nguyễn Như       | Quỳnh | 21/10/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |                      |
| 273 | Trần Thị Mai     | Quỳnh |            |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         | Không có đơn đăng ký |
| 274 | Trần Thị Mai     | Quỳnh | 01/08/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |                      |
| 275 | Đào Huy          | Son   | 02/12/2005 |                         | 6,5   |      | 29/08/2022         |                      |
| 276 | Nguyễn Anh       | Son   | 22/08/2005 |                         | 6,0   |      | 23/05/2023         |                      |
| 277 | Vũ Minh          | Tâm   | 08/10/2005 |                         | 7,0   |      | 04/10/2022         |                      |
| 278 | Trần Minh        | Tân   | 01/02/2005 |                         | 5,5   |      | 26/12/2022         |                      |
| 279 | Đình Thị Hồng    | Thắm  | 07/02/2005 |                         |       | HSK5 | 21/08/2022         |                      |
| 280 | Đoàn Thị         | Thắm  | 18/11/2005 |                         |       | HSK5 | 12/03/2023         |                      |
| 281 | Đào Thị          | Thanh | 26/11/2005 |                         |       | HSK3 | 14/05/2023         |                      |
| 282 | Lê Minh          | Thành | 20/01/2005 |                         | 6,0   |      | 01/06/2023         |                      |
| 283 | Phạm Chí         | Thành | 27/05/2005 |                         | 7,5   |      | 01/09/2022         |                      |
| 284 | Vũ Minh          | Thành | 20/02/2005 |                         | 7,0   |      | 14/03/2023         |                      |
| 285 | Dương Thị Phương | Thảo  | 13/02/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |                      |
| 286 | Dương Thu        | Thảo  | 04/07/2005 |                         | 6,5   |      | 27/01/2023         |                      |
| 287 | Nguyễn Phương    | Thảo  | 17/10/2005 |                         |       | HSK4 | 14/05/2023         |                      |
| 288 | Nguyễn Phương    | Thảo  | 17/10/2005 |                         |       | HSK4 | 14/05/2023         |                      |
| 289 | Nguyễn Thị       | Thảo  | 27/09/2005 |                         |       | HSK4 | 11/02/2023         |                      |
| 290 | Nguyễn Thị Minh  | Thảo  | 04/02/2005 |                         | 6,5   |      | 13/05/2023         |                      |
| 291 | Nguyễn Thương    | Thảo  | 21/04/2005 |                         |       | HSK3 | 14/05/2023         |                      |
| 292 | Phạm Phương      | Thảo  | 05/01/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |                      |
| 293 | Vũ Phương        | Thảo  | 15/12/2005 |                         | 6,0   |      | 23/02/2023         |                      |
| 294 | Nguyễn Cao Phúc  | Thiên | 08/04/2005 |                         | 5,5   |      | 15/04/2023         |                      |
| 295 | Nguyễn Trọng     | Thiện | 29/09/2005 |                         |       | HSK4 | 21/08/2022         |                      |
| 296 | Ngô Hải          | Thịnh | 05/07/2005 |                         | 7,0   |      | 24/05/2023         |                      |
| 297 | Nguyễn Thái      | Thịnh | 10/09/2005 |                         | 6,5   |      | 18/05/2023         |                      |
| 298 | Nguyễn Minh      | Thu   | 22/06/2005 |                         |       | HSK6 | 18/02/2023         |                      |
| 299 | Hoàng Kim        | Thư   | 12/09/2005 |                         |       | HSK3 | 18/03/2023         |                      |
| 300 | Phạm Nguyễn Anh  | Thư   | 19/07/2005 |                         | 5,5   |      | 23/09/2022         |                      |
| 301 | Hoàng Thị Minh   | Thục  | 07/01/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |                      |

| STT | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú              |
|-----|------------------|--------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|----------------------|
|     |                  |        |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |                      |
| 302 | Đặng Thị Hiền    | Thương | 25/09/2005 |                         |       | HSK3 | 11/02/2023         |                      |
| 303 | Nguyễn Thị Thanh | Thúy   | 01/10/2005 |                         |       | HSK5 | 12/03/2023         |                      |
| 304 | Trần Thị Thanh   | Thúy   | 22/09/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |                      |
| 305 | Lê Thị           | Thủy   | 28/02/2005 |                         |       | HSK3 | 27/02/2022         |                      |
| 306 | Tạ Thu           | Thủy   | 29/07/2005 |                         |       | HSK4 | 18/03/2023         |                      |
| 307 | Nguyễn Thị       | Tình   | 13/11/2005 |                         |       | HSK3 | 15/04/2023         |                      |
| 308 | Dương Thanh      | Trà    | 29/06/2005 |                         | 5,5   |      | 29/06/2005         |                      |
| 309 | Vũ Thanh         | Trà    | 11/12/2005 |                         |       | HSK4 | 18/02/2023         |                      |
| 310 | Đỗ Huyền         | Trâm   | 04/05/2005 |                         | 6,0   |      | 20/12/2022         |                      |
| 311 | Bùi Hiền         | Trang  | 08/02/2005 |                         | 7,0   |      | 14/11/2022         |                      |
| 312 | Đào Quỳnh        | Trang  | 05/02/2005 |                         |       | HSK3 | 11/03/2023         |                      |
| 313 | Đoàn Thị         | Trang  | 29/07/2005 |                         |       | HSK3 | 11/02/2023         |                      |
| 314 | Hà Thu           | Trang  | 17/01/2005 |                         |       | HSK3 | 18/03/2023         |                      |
| 315 | Lương Thị Xuân   | Trang  | 23/02/2003 |                         |       | HSK4 | 16/07/2022         |                      |
| 316 | Nguyễn Kiều      | Trang  | 19/12/2005 |                         |       | HSK4 | 15/04/2023         |                      |
| 317 | Nguyễn Thị Quỳnh | Trang  | 05/07/2005 |                         |       | HSK4 | 09/01/2023         |                      |
| 318 | Nguyễn Thu       | Trang  | 15/11/2005 |                         | 6,0   |      | 27/03/2023         |                      |
| 319 | Nguyễn Thùy      | Trang  | 12/05/2005 |                         | 6,5   |      | 24/05/2023         |                      |
| 320 | Trần Linh        | Trang  | 12/10/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |                      |
| 321 | Trần Thị Quỳnh   | Trang  | 18/11/2005 |                         | 5,5   |      | 11/08/2022         | Không có đơn đăng ký |
| 322 | Trương Thùy      | Trang  | 22/09/2005 |                         | 5,5   |      | 28/02/2023         |                      |
| 323 | Vũ Lê            | Trang  | 01/06/2005 |                         |       | HSK3 | 25/02/2023         |                      |
| 324 | Lê Thị Kiều      | Trinh  | 30/11/2005 |                         |       | HSK4 | 12/03/2023         |                      |
| 325 | Phạm Thanh       | Trúc   | 02/02/2005 |                         | 5,5   |      | 03/05/3023         | Không có đơn đăng ký |
| 326 | Nguyễn Minh      | Tú     | 01/05/2005 |                         | 6,5   |      | 08/12/2022         |                      |
| 327 | Nguyễn Minh      | Tuấn   | 28/04/2005 |                         |       | HSK4 | 18/03/2023         |                      |
| 328 | Bùi Ngọc         | Tùng   | 24/09/2005 |                         | 6,5   |      | 04/05/2022         |                      |
| 329 | Nguyễn Dương     | Tùng   | 17/08/2005 |                         | 6,5   |      | 18/07/2022         |                      |
| 330 | Trần Hoàng       | Tùng   | 09/02/2005 |                         | 6,0   |      | 18/05/2023         |                      |
| 331 | Vũ Lê Quang      | Tùng   | 17/07/2005 |                         | 6,0   |      | 19/01/2023         |                      |
| 332 | Nguyễn Phương    | Uyên   | 13/04/2005 |                         |       | HSK4 | 11/03/2023         |                      |
| 333 | Phạm Tổ          | Uyên   | 25/12/2005 |                         | 5,5   |      | 13/04/2023         |                      |
| 334 | Vũ Thị Tú        | Uyên   | 18/07/2005 |                         |       | HSK3 | 11/02/2023         |                      |
| 335 | Vũ Tú            | Uyên   | 11/12/2005 |                         |       | HSK3 | 18/03/2023         |                      |

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | Loại chứng chỉ          |       |      | Ngày thi chứng chỉ | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------|-------------------------|-------|------|--------------------|---------|
|     |                     |            | TOEFL IPT/<br>TOEFL iBT | IELTS | HSK  |                    |         |
| 336 | Nguyễn Hải Vân      | 14/08/2005 |                         |       | HSK4 | 09/04/2023         |         |
| 337 | Nguyễn Phi Vân      | 29/04/2005 |                         |       | HSK3 | 15/04/2023         |         |
| 338 | Nguyễn Thanh Vân    | 17/03/2005 |                         | 5,5   |      | 01/06/2023         |         |
| 339 | Trần Thị Thu Vân    | 09/02/2005 |                         |       | HSK4 | 10/01/2023         |         |
| 340 | An Khải Văn         | 21/11/2005 |                         | 5,5   |      | 25/05/2023         |         |
| 341 | Trần Anh Văn        | 20/02/2005 |                         | 6,5   |      | 26/07/2022         |         |
| 342 | Nguyễn Hoàng Việt   | 16/03/2005 |                         | 6,5   |      | 26/04/2023         |         |
| 343 | Nguyễn Thành Vinh   | 22/09/2005 |                         | 6,5   |      | 07/06/2022         |         |
| 344 | Trần Phan Minh Vũ   | 16/07/2005 |                         | 5,5   |      | 17/02/2023         |         |
| 345 | Nguyễn Thị Yến Vy   | 04/02/2005 |                         |       | HSK4 | 14/05/2023         |         |
| 346 | Dương Triều Xuân    | 06/06/2005 |                         |       | HSK4 | 21/08/2022         |         |
| 347 | Nguyễn Thị Xuân     | 04/04/2005 |                         |       | HSK3 | 09/04/2023         |         |
| 348 | Đỗ Hải Yến          | 14/12/2005 |                         |       | HSK4 | 14/05/2023         |         |
| 349 | Hoàng Hải Yến       | 28/03/2005 |                         |       | HSK4 | 11/02/2023         |         |
| 350 | Nguyễn Ngọc Bảo Yến | 16/08/2005 |                         |       | HSK4 | 18/03/2023         |         |